

Số: 82/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ**Quy định tiêu chuẩn địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế và quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế**

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế và quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định tiêu chuẩn địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế và quản lý đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế; việc kết nối dữ liệu, hình ảnh camera giám sát hàng hóa kinh doanh miễn thuế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
- Cơ quan hải quan, công chức hải quan.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế là địa điểm lưu giữ, bán và giao nhận hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, sản xuất trong nước cho các đối tượng được mua hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật. Địa điểm kinh doanh hàng miễn

thuế bao gồm: cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng.

2. Khu vực cách ly của các cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế và cửa khẩu đường bộ quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực cách ly) là khu vực được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực cửa khẩu sau khu vực làm thủ tục xuất cảnh.

3. Khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực hạn chế) là khu vực được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực nhà ga quốc tế sau khu vực làm thủ tục nhập cảnh và trước khu vực làm thủ tục hải quan.

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ; THÔNG BÁO VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

Điều 4. Tiêu chuẩn địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế

1. Tiêu chuẩn về vị trí cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng

a) Đối với cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế: Trong khu vực cách ly của cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Trong khu vực cách ly và khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế; Trong nội địa; Các khu vực khác được phép thành lập địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định.

b) Đối với quầy nhận hàng: Trong khu vực cách ly của cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng hàng không quốc tế, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Tiêu chuẩn về phương tiện, kỹ thuật đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát hải quan

a) Có hệ thống thông tin bảo đảm quản lý, lưu trữ, kết xuất dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa đưa vào, đưa ra, đối tượng mua hàng miễn thuế kết nối trực tuyến với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

b) Có hệ thống camera giám sát cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan, hình ảnh quan sát được khu vực cửa sổ, cửa ra vào, toàn cảnh bên trong địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu hình ảnh phải bảo đảm khả năng truy xuất, trích xuất và được lưu giữ tối thiểu 06 tháng.

Điều 5. Thông báo hoạt động, mở rộng diện tích liên kề, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế

1. Khi có nhu cầu hoạt động, mở rộng diện tích liên kề, thu hẹp, di chuyển,

chuyển quyền sở hữu địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp tự kê khai và thông báo cho Chi cục Hải quan khu vực theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến).

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông báo của doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến), Chi cục Hải quan khu vực phối hợp với Cục Hải quan và doanh nghiệp thực hiện việc kết nối, trao đổi dữ liệu hệ thống thông tin với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; Chi cục Hải quan khu vực phối hợp với doanh nghiệp thực hiện trao đổi dữ liệu hệ thống camera giám sát, lập biên bản ghi nhận địa điểm đã đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này hoặc chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

Trường hợp địa điểm đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, doanh nghiệp tự công bố đủ tiêu chuẩn kinh doanh hàng miễn thuế theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này đồng thời gửi đến Chi cục Hải quan khu vực qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến).

Chi cục Hải quan khu vực sau khi nhận được công bố đủ tiêu chuẩn kinh doanh hàng miễn thuế có văn bản gửi Cục Hải quan để cập nhật thông tin và cấp mã địa điểm lưu kho đối với địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế.

Trường hợp địa điểm chưa đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, doanh nghiệp hoàn thiện các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này; thông báo cho cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra việc kết nối, trao đổi dữ liệu, hình ảnh camera giám sát (đối với trường hợp tiêu chuẩn đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này); doanh nghiệp tự công bố đủ tiêu chuẩn kinh doanh hàng miễn thuế theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này đồng thời gửi đến Chi cục Hải quan khu vực qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến) để cơ quan hải quan thực hiện cấp mã địa điểm theo quy định.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp gửi thành công thông báo đến Chi cục hải quan khu vực qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến) theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu Chi cục Hải quan khu vực không có ý kiến thì doanh nghiệp tự công bố đủ tiêu chuẩn kinh doanh hàng miễn thuế theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này đồng thời gửi đến Chi cục Hải quan khu vực qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến) và đưa kho, cửa hàng, quầy nhận hàng vào hoạt động.

Điều 6. Tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế

1. Các trường hợp tạm dừng hoạt động

a) Tạm dừng theo đề nghị của doanh nghiệp;

b) Tạm dừng việc đưa hàng hóa ra, vào kho, cửa hàng trong trường hợp doanh nghiệp không duy trì các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này hoặc dừng hoạt động trong trường hợp Chi cục hải quan khu vực kiểm tra nhưng doanh nghiệp không đáp ứng các tiêu chuẩn đã công bố;

2. Đối với trường hợp tạm dừng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này

a) Doanh nghiệp có nhu cầu tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này đến Chi cục Hải quan khu vực qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến).

b) Trong thời gian địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế tạm dừng hoạt động, nếu có nhu cầu hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế trở lại, doanh nghiệp có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan khu vực về việc địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế hoạt động trở lại theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến).

c) Chi cục Hải quan khu vực khi nhận được thông báo tạm dừng hoạt động, thông báo hoạt động trở lại của doanh nghiệp thì có văn bản gửi Cục Hải quan để theo dõi.

3. Đối với trường hợp tạm dừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này

a) Khi phát hiện địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, cơ quan hải quan có văn bản thông báo tạm dừng việc đưa hàng hóa ra, vào kho, cửa hàng đến doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế hoặc dừng hoạt động trong trường hợp Chi cục hải quan khu vực kiểm tra nhưng doanh nghiệp không đáp ứng các tiêu chuẩn đã công bố;

b) Doanh nghiệp thực hiện khắc phục các tiêu chuẩn không đáp ứng quy định trong thời gian tối đa 06 tháng kể từ ngày cơ quan hải quan thông báo tạm dừng hoặc dừng hoạt động. Trường hợp quá thời hạn nhưng chưa khắc phục được các tiêu chuẩn, doanh nghiệp gửi thông báo tạm dừng theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này đến Chi cục Hải quan khu vực qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến).

c) Sau khi khắc phục các tiêu chuẩn, doanh nghiệp có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan khu vực về việc địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế hoạt động trở lại theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến).

d) Doanh nghiệp phối hợp với cơ quan hải quan thực hiện kết nối, trao đổi dữ liệu, lập biên bản ghi nhận và tự công bố đủ tiêu chuẩn kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

4. Trong thời gian tạm dừng hoạt động, doanh nghiệp có trách nhiệm bảo đảm nguyên trạng hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện giám sát lượng hàng hóa tồn tại địa điểm, không làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra tại địa điểm. Đối với hàng hóa tạm nhập hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam thì

doanh nghiệp thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xử lý hàng hóa hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam theo quy định.

5. Hết thời hạn tạm dừng hoạt động, doanh nghiệp không có thông báo hoạt động trở lại hoặc thông báo tiếp tục tạm dừng hoạt động, cơ quan hải quan tiếp tục theo dõi lượng hàng hóa còn tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra tại địa điểm. Đối với hàng hóa tạm nhập hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam thì doanh nghiệp thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xử lý hàng hóa hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam theo quy định.

Điều 7. Chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế

1. Khi không có nhu cầu hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp thực hiện:

a) Xử lý hàng tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật.

b) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này đến Chi cục Hải quan khu vực qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến).

c) Sau khi nhận được phản hồi của Chi cục Hải quan khu vực về việc đã hoàn thành việc xử lý hàng tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, công bố chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này đồng thời gửi đến Chi cục Hải quan khu vực qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến).

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan khu vực

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông báo của doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến), Chi cục Hải quan khu vực thực hiện kiểm tra việc xử lý hàng tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định.

b) Trường hợp đã hoàn thành việc xử lý hàng tồn đọng, Chi cục hải quan khu vực phản hồi về việc đã hoàn thành việc xử lý hàng hóa tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế qua Cổng thông tin điện tử Hải quan (mục Dịch vụ công trực tuyến).

Trường hợp chưa hoàn thành xử lý hàng tồn đọng, Chi cục hải quan khu vực hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện xử lý hàng tồn đọng theo quy định của pháp luật;

c) Căn cứ vào công bố chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế của doanh nghiệp, Chi cục Hải quan khu vực thông báo cho Cục Hải quan về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế của doanh nghiệp để cập nhật trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin thông báo cho cơ quan hải quan và lưu giữ các chứng từ chứng minh đáp ứng các tiêu chuẩn khi thực hiện thông báo hoạt động, mở rộng diện tích liền kề, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động, chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định tại Thông tư này; Tuân thủ các quy định khác của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

2. Đảm bảo duy trì hoạt động của hệ thống thông tin, camera giám sát hải quan quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này và cung cấp dữ liệu hình ảnh camera cho cơ quan hải quan khi được yêu cầu. Trường hợp hệ thống phần mềm thông tin, camera giám sát hải quan bị sự cố phải khắc phục thì doanh nghiệp phải thông báo ngay cho Hải quan quản lý địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế để có biện pháp giám sát, quản lý phù hợp.

3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hải quan và pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động của địa điểm.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan hải quan

1. Cục Hải quan

a) Xây dựng, vận hành hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

b) Hướng dẫn việc kết nối, trao đổi dữ liệu hệ thống thông tin của doanh nghiệp với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c) Thực hiện cập nhật thông tin địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, cấp mã địa điểm lưu kho đối với địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế;

d) Ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

đ) Thực hiện kiểm tra địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm.

2. Chi cục Hải quan khu vực:

a) Theo dõi, hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế trong quá trình hoạt động;

b) Thường xuyên giám sát tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, định kỳ (03 hoặc 06 tháng) kiểm tra các tiêu chuẩn của doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn đã công bố, nếu không đáp ứng tiêu chuẩn thì yêu cầu doanh nghiệp tạm dừng hoạt động và khắc phục các nội dung chưa đáp ứng;

c) Thông báo cho Cục Hải quan theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7

Thông tư này.

3. Hải quan quản lý địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế:

a) Thực hiện thủ tục hải quan, giám sát hàng hóa kinh doanh hàng miễn thuế sau khi doanh nghiệp tự công bố đủ tiêu chuẩn hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế;

b) Tổ chức giám sát tình hình hoạt động của địa điểm thông qua hệ thống camera giám sát và hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. Trường hợp phát hiện vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các trường hợp đã được công nhận, hoạt động trước khi Thông tư này có hiệu lực, doanh nghiệp tiếp tục hoạt động và không phải thông báo hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế. Doanh nghiệp có trách nhiệm duy trì, đảm bảo các tiêu chuẩn tại Điều 4 Thông tư này.

2. Đối với địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế đã được công nhận trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nếu mở rộng diện tích liền kề, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động, chấm dứt hoạt động thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Chi cục Hải quan các khu vực;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Cục Hải quan;
- Lưu: VT, CHQ(60b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

Phụ lục

(Kèm theo Thông tư số 82/2026/TT- BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số 01

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO (1)

Kính gửi: Chi cục Hải quan khu vực...

I. Thông tin về doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế và địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế

1. Thông tin về doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

- Tên doanh nghiệp:.....
- Mã số thuế:.....
- Trụ sở chính tại:.....
- Số điện thoại: Số fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/chứng nhận đầu tư ...(2).....
số:..... ngày... tháng ... năm ;

Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề kinh doanh: (Chỉ ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế).

2. Thông tin về tiêu chuẩn địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế (3)

a) Về vị trí: (ghi cụ thể vị trí, địa chỉ của địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế. Trường hợp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế có các vị trí khác nhau thì ghi cụ thể vị trí, địa chỉ của từng kho, cửa hàng, quầy nhận hàng; trường hợp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế đã được cơ quan hải quan cấp mã địa điểm thì ghi thêm mã địa điểm tại chỉ tiêu này)

b) Về diện tích:

Tổng diện tích địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế: m². Trong đó:

- Diện tích kho chứa hàng miễn thuế: m² (ghi cụ thể diện tích của từng kho nếu địa điểm có nhiều kho);
- Diện tích cửa hàng miễn thuế: m² (ghi cụ thể diện tích của từng cửa hàng nếu địa điểm có nhiều cửa hàng);

- Diện tích quầy nhận hàng: m² (ghi cụ thể vị trí, diện tích của từng quầy nhận hàng nếu địa điểm có nhiều quầy nhận hàng);

- Diện tích khác (nếu có): m²;

c) Tiêu chuẩn về kiểm tra, giám sát hải quan:

c.1) Về hệ thống phần mềm:

+ Hợp đồng cung cấp hệ thống thông tin (phần mềm quản lý) số :.....; đối tác.... (Trường hợp doanh nghiệp tự phát triển phần mềm thì ghi: Phần mềm doanh nghiệp tự xây dựng)

+ Các thông tin khác:....(ghi các thông tin liên quan đến Hệ thống phần mềm. Ví dụ: yếu tố kỹ thuật, mô tả hệ thống, ...)

c.2) Về hệ thống camera giám sát hải quan:

+ Hợp đồng cung cấp lắp đặt số :.....; đối tác....(Trường hợp doanh nghiệp tự lắp đặt thì ghi: Hệ thống camera giám sát do doanh nghiệp tự mua, lắp đặt)

+ Số lượng camera:....

+ Các thông tin khác:....(ghi các thông tin liên quan đến Hệ thống camera giám sát. Ví dụ: thông số kỹ thuật, mô tả hoạt động,)

3. Thông tin về chứng từ chứng nhận quyền sử dụng đất, công trình địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế: số ... ngày ... cơ quan cấp: ... thời hạnsố hợp đồng thuê ... ngày ...: thời hạn thuê: từ ngày ... đến ngày ...

4. Thông tin về chứng từ chứng nhận phòng cháy chữa cháy: số ... ngày ... cơ quan cấp: ... thời hạn

5. Thông tin về chứng từ khác: ...

II. Thông tin thông báo ... (4) địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế

1. Trường hợp thông báo hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế thì cung cấp thông tin sau:

Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế dự kiến bắt đầu hoạt động từ ngày ... tháng ... năm ...

2. Trường hợp thông báo mở rộng diện tích liên kê/thu hẹp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế thì cung cấp thông tin sau:

- Mở rộng diện tích liên kê thêm/Thu hẹp diện tích ... m²

- Diện tích sau khi mở rộng diện tích liên kê/thu hẹp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế: ...m²

- Dự kiến hoạt động từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Trường hợp thông báo di chuyển địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế thì cung cấp thông tin sau:

- Vị trí cũ tại: ..., diện tích ...m² (ghi cụ thể vị trí, địa chỉ, diện tích của địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế hiện tại. Trường hợp địa điểm kinh doanh

hàng miễn thuế có các vị trí khác nhau thì ghi cụ thể vị trí, địa chỉ, diện tích của từng kho, cửa hàng, quầy nhận hàng)

- Vị trí mới tại:, diện tích ... m2 (ghi cụ thể vị trí, địa chỉ, diện tích của địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế sau khi di chuyển. Trường hợp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế có các vị trí khác nhau thì ghi cụ thể vị trí, địa chỉ, diện tích của từng kho, cửa hàng, quầy nhận hàng)

4. Trường hợp thông báo chuyển quyền sở hữu địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế thì cung cấp thông tin sau:

Chuyển quyền sở hữu địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế tại Mục 2 Phần I cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế mới với thông tin như sau:

- Tên doanh nghiệp:.....
- Mã số thuế:.....
- Trụ sở chính tại:.....
- Số điện thoại: Số fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/chứng nhận đầu tư ...(2).....
số:..... ngày... tháng ... năm ;

Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề kinh doanh: (Chỉ ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế).

5. Trường hợp thông báo tạm dừng hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế thì cung cấp thông tin sau:

Tạm dừng hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế tại Mục 2 Phần I từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

6. Trường hợp thông báo hoạt động trở lại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế thì cung cấp thông tin sau:

Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế tại Mục 2 Phần I hoạt động trở lại từ ngày ... tháng ... năm ...

7. Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế thì cung cấp thông tin sau:

Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế tại Mục 2 Phần I chấm dứt hoạt động từ ngày ... tháng ... năm ...

III. Hồ sơ kèm theo văn bản thông báo:

Sơ đồ thiết kế khu vực kho, cửa hàng, quầy nhận hàng (Yêu cầu sơ đồ phải thể hiện rõ vị trí đặt địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, hệ thống cửa ra vào, cửa sổ, vị trí lắp đặt hệ thống camera, vị trí kho, cửa hàng, quầy nhận hàng, vị trí khác (nếu có)).

Doanh nghiệp cam đoan các nội dung trên là đúng. Đồng thời chấp hành và thực hiện đúng các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ nội dung thông báo: hoạt động, mở rộng diện tích liên kết, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động và tên cửa hàng, kho, quầy nhận hàng.

(2) Ghi rõ loại giấy tờ theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp.

(3) Trường hợp doanh nghiệp thông báo hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế: Điền thông tin của địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế dự kiến hoạt động.

Trường hợp doanh nghiệp thông báo mở rộng diện tích liên kết, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế: Điền thông tin của địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế hiện tại.

(4) Ghi rõ nội dung thông báo: hoạt động, mở rộng diện tích liên kết, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ

.....(1)

Số:/Tên doanh nghiệp/Năm công bố

1. Thông tin về doanh nghiệp tự công bố

- Tên doanh nghiệp:.....
- Mã số thuế:.....
- Trụ sở chính tại:.....
- Số điện thoại: Số fax:

2. Công bố(1) đối với địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế từ ngày ... tháng năm..... (2) với thông tin như sau:

a) Về vị trí: (ghi cụ thể vị trí, địa chỉ của địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế. Trường hợp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế có các vị trí khác nhau thì ghi cụ thể vị trí, địa chỉ của từng kho, cửa hàng, quầy nhận hàng)

b) Về diện tích:

Tổng diện tích địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế: m². Trong đó:

- Diện tích kho chứa hàng miễn thuế: m² (ghi cụ thể diện tích của từng kho nếu địa điểm có nhiều kho);
- Diện tích cửa hàng miễn thuế: m² (ghi cụ thể diện tích của từng cửa hàng nếu địa điểm có nhiều cửa hàng);
- Diện tích quầy nhận hàng: m² (ghi cụ thể vị trí, diện tích của từng quầy nhận hàng nếu địa điểm có nhiều quầy nhận hàng);
- Diện tích khác (nếu có): m²;

3. Chúng tôi xin cam kết:

1. Nội dung thông tin công bố là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của địa điểm, việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

Hồ sơ kèm theo gồm:

- (i) Sơ đồ thiết kế khu vực kho, cửa hàng, quầy nhận hàng (4)
- (ii) Biên bản xác nhận địa điểm đã đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Thông tư số .../2026/TT-BTC.(5)

Trường hợp không có biên bản xác nhận thì ghi rõ: Không có biên bản xác nhận, đã gửi thông báo hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế cho Chi cục hải quan khu vực...(6) ngày tháng năm.....

..., ngày ... tháng ... năm ...
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
 LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ nội dung tự công bố: hoạt động, mở rộng diện tích liên kề, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, hoạt động trở lại (trong trường hợp tạm dừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư này), chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế.
- (2) Ghi rõ ngày, tháng năm bắt đầu thực hiện việc hoạt động mở rộng diện tích liên kề, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế.
- (3) Sơ đồ phải thể hiện rõ vị trí đặt địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, hệ thống cửa ra vào, cửa sổ, vị trí lắp đặt hệ thống camera, vị trí kho, cửa hàng, quầy nhận hàng, các vị trí khác (nếu có).
- (4) Biên bản có xác nhận của Chi cục Hải quan khu vực theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.
- (5) Ghi tên Chi cục Hải quan khu vực.
- (6) Trường hợp thông báo chuyển quyền sở hữu: Tại Mục 1 (Thông tin về doanh nghiệp tự công bố) là thông tin của doanh nghiệp nhận quyền sở hữu, đồng thời ghi rõ nhận chuyển quyền sở hữu từ doanh nghiệp nào.
- (7) Lưu ý khi điền các thông tin công bố địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế tại Mục 2:
 - Trường hợp doanh nghiệp thông báo hoạt động/hoạt động trở lại/chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế: Điền thông tin của địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế dự kiến hoạt động/hoạt động trở lại/chấm dứt hoạt động.
 - Trường hợp doanh nghiệp thông báo mở rộng diện tích liên kề, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế: Điền thông tin của địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế sau khi thay đổi.